

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 04/2020/DS-ST.

Ngày: 03/6/2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Lê.

Bà Phan Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị H**, sinh năm: 1972; có mặt.

Cư trú tại: Số N, phường M, TP. T, tỉnh Phú Yên.

2. *Bị đơn:* Ông **Bùi Quang D**, sinh năm: 1975; bà **Đàm Thị T**, sinh năm 1973; ông D vắng mặt, bà T có mặt.

Cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2019, các đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Khoảng năm 2015- 2016, vợ chồng ông Bùi Quang D, bà Đàm Thị T có mua lớp xe ô tô của bà, đến ngày 12/3/2017 còn nợ 56.000.000 đồng, hẹn 05 ngày sau sẽ trả nhưng chỉ trả 29.000.000 đồng, còn lại 27.000.000 đồng chưa trả. Bà đã nhiều lần đến nhà ông D, bà T đòi số tiền nợ còn lại nhưng đến nay vợ chồng ông D, bà T vẫn không trả. Nay, bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà

T phải trả số tiền 27.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi phát sinh tính từ ngày 12/3/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 25/9/2019, Biên bản làm việc ngày 03/02/2020 và quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn ông Bùi Quang D và bà Đàm Thị T trình bày:

Vợ chồng ông, bà có mua laptop xe ô tô của bà H và có nợ lại một số tiền nhưng không nhớ chính xác bao nhiêu vì mua và trả nợ nhiều lần. Việc mua bán và nhận nợ hai bên chỉ nói miệng; bà H có sổ theo dõi; ông D, bà T có ký xác nhận mỗi khi mua bán và trả nợ. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông, bà trả 27.000.000 đồng thì ông, bà yêu cầu căn cứ vào giấy tờ họ đã ký để xác định số tiền nợ và xin không trả lãi vì có hoàn cảnh khó khăn.

Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không được vì vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu trả tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 27.000.000 đồng. Bị đơn bà T đồng ý trả tiền gốc theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng đề nghị được trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 27.000.000 đồng là có căn cứ và được bị đơn thừa nhận nợ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 430 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H, buộc vợ chồng bị đơn ông D, bà T phải trả cho bà H số tiền 27.000.000 đồng. Đối với tiền lãi, tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Bùi Quang D đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Năm 2015 - 2016, vợ chồng ông Bùi Quang D, bà Đàm Thị T có xác lập hợp đồng miệng về việc mua bán laptop xe ô tô với bà Đặng Thị H. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên có mua bán và trả tiền theo thỏa thuận. Theo nguyên đơn trình bày, tính đến ngày 12/3/2017, bị đơn còn nợ của nguyên đơn 56.000.000 đồng, hẹn 05 ngày sau sẽ trả nhưng chỉ trả 29.000.000 đồng, còn lại 27.000.000 đồng chưa trả. Nguyên đơn đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng bị đơn vẫn không trả

tiền. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Theo Giấy hẹn nợ vào được lập vào ngày 12/3/2017, vợ chồng ông D, bà T xác nhận có nợ của bà H 56.000.000 đồng hẹn đến ngày 17/3/2017 sẽ trả đủ. Đến ngày 17/3/2017, vợ chồng ông D, bà T trả 16.000.000 đồng và những lần trả nợ tiếp theo thì đến ngày 28/12/2017 còn nợ lại 27.350.000 đồng nhưng nay bà H chỉ yêu cầu trả 27.000.000 đồng.

Tại Biên bản ghi lời khai, Biên bản làm việc, ông D và bà T đều thừa nhận có nợ tiền mua lớp xe ô tô của bà H nhưng không thống nhất số tiền 27.000.000 đồng theo yêu cầu bà H. Tuy nhiên, sau khi ông D, bà T xem “giấy hẹn nợ” ngày 12/3/2017 do bà H cung cấp cho Tòa án, ông D xác định chữ ký, chữ viết “L, Đàm Thị L” đúng chữ ký và chữ viết của bà T (do bà T trùng tên với chị dâu nên thường gọi là L); bà T xác định chữ ký, chữ viết “D, Bùi Quang D” giống chữ ký, chữ viết của ông D; bà T xem các tờ rời sổ theo dõi việc mua bán do bà H cung cấp cho Tòa án và xác định chữ ký, chữ viết “D, Bùi Quang D”, “T, Đàm Thị T” đúng là chữ ký và chữ viết của ông D, bà T. Vì vậy, bà T xác nhận vợ chồng bà còn nợ của bà H 27.300.000 đồng và bà đồng ý trả khoản nợ này cho bà H nhưng bà yêu cầu được trả dần; ông D cũng đồng ý trả nợ số tiền nợ ghi trên sổ của bà H. Tại phiên tòa, bị đơn bà T đồng ý trả khoản nợ nói trên và xin không trả lãi.

Do vậy, có đủ cơ sở để xác định vợ chồng ông D, bà T còn nợ của bà H số tiền 27.000.000 đồng; bà H yêu cầu vợ chồng ông D, bà T trả số tiền này là có căn cứ, đúng quy định tại các điều 430, 440 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu trả khoản tiền lãi tính từ ngày 12/3/2017 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 430, 434, 440 của Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Bùi Quang D, bà Đàm Thị T phải trả cho bà Đặng Thị H số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả khoản tiền lãi.

3. Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Bùi Quang D, bà Đàm Thị T phải chịu 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn 675.000đ (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0013484 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn bà Đàm Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ; bị đơn ông Bùi Quang D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa